

### 7. Điều kiện về thể lực.

**Điều 15.** — Những người lái các loại xe ô tô trọng tải từ 1 tấn đến 3 tấn 5 và máy kéo phải có đủ tiêu chuẩn về thể lực dưới đây:

- Chiều cao từ 1 thước 50 trở lên,
- Cân nặng từ 46 cân trở lên,
- Vòng ngực từ 80 phân trở lên.

**Điều 16.** — Những người lái các loại xe ô tô trọng tải từ 3T5 trở lên phải có đủ tiêu chuẩn về thể lực dưới đây:

- Chiều cao từ 1 thước 55 trở lên,
- Cân nặng từ 48 cân trở lên,
- Vòng ngực từ 82 phân trở lên.

**Điều 17.** — Những người lái các loại xe ô tô du lịch, ô tô con trọng tải dưới 1 tấn phải cao tối thiểu 1 thước 48.

### 8. Điều kiện về tuổi.

**Điều 18.** — Những người lái các loại xe mô tô phải 18 tuổi trở lên mới được lái. Còn các loại xe khác phải 20 tuổi trở lên mới được lái (những quân nhân tại ngũ lái xe quân sự không phải thực hiện điều này).

### 9. Những bệnh khác.

**Điều 19.** — Ngoài những điều kiện sức khỏe nói trên, trong khi khám nếu y, bác sĩ thấy có những bệnh khác xét có thể ảnh hưởng đến sức khỏe không đảm bảo lái xe được an toàn, có quyền không cấp giấy chứng nhận sức khỏe.

## CHƯƠNG III

### 1. Giấy chứng nhận sức khỏe.

**Điều 20.** — Tất cả những người lái chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp các loại phương tiện giao thông đường bộ có động cơ như đã quy định trong điều lệ này, bắt buộc phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe do y, bác sĩ công cấp mới được lái.

**Điều 21.** — Giấy chứng nhận sức khỏe có giá trị 2 hay 5 năm tùy theo trường hợp người lái là chuyên nghiệp hay không chuyên nghiệp nói ở điều 23 dưới đây.

Những giấy chứng nhận sức khỏe cấp theo chế độ cũ vẫn còn giá trị nếu chưa hết hạn 1 năm (theo điều 25 nghị định số 9-NĐ ngày 7-3-1956 của Liên Bộ Giao thông bưu điện — Công an).

**Điều 22.** — Thời hạn bắt buộc phải khám lại để lấy giấy chứng nhận sức khỏe mới:

1. Đối với những người làm nghề lái chuyên nghiệp giấy chứng nhận sức khỏe có giá trị trong thời hạn 2 năm, khi quá 2 năm (kể từ ngày cấp giấy chứng nhận sức khỏe) bắt buộc phải khám lại để lấy giấy chứng nhận sức khỏe mới.

2. Đối với những người lái không chuyên nghiệp (tự mình lái các loại phương tiện giao thông có động cơ để đi lại làm việc hoặc du lịch) giấy chứng

nhận sức khỏe có giá trị trong thời hạn 5 năm, khi quá 5 năm (kể từ ngày cấp giấy chứng nhận sức khỏe) bắt buộc phải khám lại để lấy giấy chứng nhận sức khỏe mới.

3. Đối với những người được cấp giấy chứng nhận sức khỏe theo chế độ cũ, khi quá 1 năm (kể từ ngày cấp giấy chứng nhận) bắt buộc phải khám lại để lấy giấy chứng nhận sức khỏe mới.

4. Tất cả những giấy chứng nhận sức khỏe quá các thời hạn quy định ở trên đều không có giá trị.

**Điều 23.** — Khi thi lấy bằng lái, thí sinh phải nộp giấy chứng nhận sức khỏe mới được cấp chưa quá 6 tháng (kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận sức khỏe đến ngày thi) mới được thi.

**Điều 24.** — Giấy chứng nhận sức khỏe làm bằng giấy in sẵn theo mẫu kèm theo điều lệ này<sup>(1)</sup>

### 2. Kiểm soát giấy chứng nhận sức khỏe.

**Điều 25.** — Các cơ quan Giao thông và các cơ quan Công an có nhiệm vụ kiểm soát giấy chứng nhận sức khỏe của những người lái các loại phương tiện giao thông đường bộ có động cơ nói trong điều lệ này. Những trường hợp đặc biệt như vi phạm nặng luật giao thông, hoặc xảy ra tai nạn cơ quan Công an hoặc Giao thông có quyền bắt người lái phải khám lại sức khỏe bất thường, nếu có nghi vấn về lý do điều kiện sức khỏe.

### 3. Phạm vi áp dụng.

**Điều 26.** — Bản điều lệ này áp dụng cho tất cả công dân Việt-nam và ngoại kiều lái các phương tiện giao thông đường bộ có động cơ nói trong điều lệ này.

Ban hành kèm theo quyết định số 70-TTg ngày 6-7-1962.

Hà nội, ngày 6 tháng 7 năm 1962

K. T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

## LIÊN BỘ

### NỘI VỤ — Y TẾ — TÀI CHÍNH

**THÔNG TƯ số 33-TT-LB ngày 29-6-1962**  
về việc quy định và hướng dẫn thi hành chế độ đãi ngộ đối với cán bộ xã.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ  
BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ  
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Kính gửi: Ủy ban hành chính các khu, thành phố, tỉnh và khu vực Vinh linh.

(1) Mẫu giấy chứng nhận sức khỏe không đăng vào Công báo.

Thủ tướng Chính phủ đã ra thông tư số 51-TTg ngày 9 tháng 5 năm 1962 về việc cải tiến tổ chức, lề lối làm việc ở cấp xã và chế độ phụ cấp đối với cán bộ xã;

Đề thực hiện thông tư ấy, Liên Bộ Nội vụ — Tài chính — Y tế quy định và hướng dẫn một số điểm cụ thể dưới đây, về mặt chế độ đối với cán bộ xã.

### 1. Chế độ phụ cấp hàng tháng đối với cán bộ chuyên trách ở xã.

Mỗi xã, tùy theo quyết định của Ủy ban hành chính tỉnh, thành hay khu, có từ 3 đến 5 cán bộ chuyên trách, trong đó kể cả thư ký Văn phòng Ủy ban hành chính xã, được hưởng phụ cấp hàng tháng 20đ, 23đ, riêng ở xã rẻo cao 22đ, 25đ, do ngân sách Nhà nước đài thọ.

a) Đề việc trả phụ cấp được đúng, sau khi Ủy ban hành chính xã đã phân công, Ủy ban hành chính huyện cần quyết định danh sách cụ thể các cán bộ chuyên trách ở mỗi xã được phụ cấp, có ghi rõ mức phụ cấp của từng người, và báo cáo Ủy ban hành chính tỉnh thành hay khu.

b) Trường hợp cán bộ chuyên trách ở xã vắng mặt để dự lớp huấn luyện, chữa bệnh... thì được hưởng phụ cấp như sau:

— Nếu thời gian vắng mặt dưới 1 tháng, thì vẫn hưởng phụ cấp cả tháng.

— Nếu thời gian vắng mặt trên 1 tháng, thì trong thời gian vắng mặt, được hưởng một nửa phụ cấp hàng tháng, nhưng không được quá 3 tháng.

— Trường hợp vắng mặt, vì việc riêng, trên 1 tháng, thì từ tháng thứ 2 trở đi không hưởng phụ cấp nữa.

— Nữ cán bộ chuyên trách ở xã, khi sinh đẻ, được nghỉ 2 tháng và được hưởng đủ phụ cấp cả 2 tháng. Sau 2 tháng nghỉ này nếu chưa trở lại công tác được vì còn ốm yếu thì chỉ được hưởng một nửa phụ cấp hàng tháng, nhưng không được quá 3 tháng.

— Những cán bộ chuyên trách ở xã, khi không được phân công làm nhiệm vụ chuyên trách ở xã, thì thôi không hưởng phụ cấp hàng tháng từ ngày thôi làm nhiệm vụ chuyên trách.

— Trường hợp cán bộ chuyên trách ở xã vắng mặt lâu mà Ủy ban hành chính xã xét thấy cần bổ sung người thay thế, để đảm bảo công tác, thì phải báo cáo đề nghị Ủy ban hành chính huyện xét, quyết định cụ thể và chỉ được trả phụ cấp cho cán bộ thay thế chuyên trách, khi có quyết định của Ủy ban hành chính huyện.

Hàng tháng Ủy ban hành chính huyện cần có kế hoạch quản lý thời gian công tác, và thời gian vắng mặt của cán bộ chuyên trách ở xã, và căn cứ vào danh sách cụ thể số người được phụ cấp ở mỗi xã mà chuyển tiền về cho Ủy ban hành chính xã, để xã trả phụ cấp cho cán bộ chuyên trách, theo sự quy định trên.

### 2. Chế độ đối với các loại cán bộ xã khác, không chuyên trách.

Căn cứ vào thông tư của Thủ tướng Chính phủ, ngoài số cán bộ chuyên trách ở xã có phụ cấp hàng tháng, các loại cán bộ khác đều vừa sản xuất, vừa công tác không hưởng phụ cấp hàng tháng. Các cán bộ này bao gồm ủy viên Ủy ban hành chính xã, đảng ủy viên hay chi ủy xã, ủy viên các ban, các đoàn thể phụ nữ, thanh niên của xã... Khi làm một số công tác chung trong xã như làm thuế nông nghiệp, thống kê, báo cáo..., các cán bộ xã này sẽ được hưởng thù lao lấy vào ngân sách xã. Thù lao chỉ trả cho cán bộ xã, nếu vì tham gia vào các công tác trên, mà hợp tác xã không bố trí được công việc đảm bảo đủ số công điểm như xã viên khác. Cách trả thù lao phải đảm bảo tinh thần thiết thực, tiết kiệm, không biến thành chế độ trợ cấp bán định xuất thường xuyên trước đây.

Để chi khoản thù lao này, mỗi xã tùy theo xã nhỏ hay xã lớn, được dự trữ từ 400đ đến tối đa 450đ hàng năm vào ngân sách xã. Số tiền dự trữ hàng năm này cùng với mức thù lao cụ thể của một người trong 1 ngày, do Ủy ban hành chính tỉnh, thành, khu quy định cho thích hợp với đặc điểm của xã.

### 3. Chế độ đối với cán bộ xã khi ốm đau.

a) Đối với cán bộ chuyên trách ở xã: Cán bộ chuyên trách ở xã khi ốm đau được khám bệnh, chữa bệnh ở các tổ chức y tế của Nhà nước dành cho công nhân viên chức Nhà nước; nếu bệnh cần phải nằm điều trị thì được cấp tiền ăn, tiền bồi dưỡng, tiền thuốc theo bệnh như công nhân viên chức; nếu chết tại bệnh viện, được trợ cấp tiền chi phí về chôn cất. Ngân sách Nhà nước sẽ đài thọ các khoản chi phí đó.

b) Đối với cán bộ khác không chuyên trách ở xã: Cán bộ khác không chuyên trách ở xã khi ốm đau cũng được khám bệnh, chữa bệnh như cán bộ nói trên. Việc trợ cấp tiền ăn, tiền thuốc, tiền bồi dưỡng sẽ do Ủy ban hành chính xã đề nghị, Ủy ban hành chính tỉnh quyết định tùy hoàn cảnh cụ thể của từng người, nhưng cần chiếu cố thích đáng đối với những cán bộ xã hoàn cảnh túng thiếu. Trường hợp có cán bộ chết tại bệnh viện thì cũng được trợ cấp tiền chi phí về chôn cất. Quỹ cứu tế xã hội của tỉnh sẽ đài thọ các khoản chi phí đó.

### 4. Chế độ đối với cán bộ chuyên trách và cán bộ không chuyên trách ở xã khi đi dự hội nghị, lớp huấn luyện do Ủy ban hành chính cấp trên hay Trung ương tổ chức.

Khi dự hội nghị, lớp huấn luyện do Ủy ban hành chính cấp trên hay Trung ương tổ chức, cả 2 loại cán bộ xã được cấp tổ chức hội nghị hay mở lớp đài thọ:

a) Tiền tàu xe đi, về theo thực chi;

b) Phụ cấp đi đường khi đi và về như khi đi công tác;

c) Tiền ăn ở lớp huấn luyện hay ở hội nghị từ 0đ50 đến 0đ60 (theo tiền ăn bình thường ở cơ quan cấp tổ chức lớp, hội nghị). Riêng đối với cán bộ xã người dân tộc phải ăn cơm nếp thì được cung cấp gạo nếp và do đó tiền ăn có thể lên tới 0đ70 một ngày.

d) Tiền bút giấy, tài liệu, nếu cần thiết, tùy theo lớp huấn luyện.

#### 5. Chế độ công tác phí của cán bộ xã.

a) Hiện nay Liên Bộ đang nghiên cứu sửa đổi lại mức phụ cấp công tác phí đối với cán bộ xã. Trong khi chờ đợi, các địa phương áp dụng theo như chế độ hiện hành.

b) Đối với cán bộ chuyên trách ở xã, nếu có xe đạp tư sử dụng trong công tác, thì:

— Khi đi công tác ngoài xã, được hưởng phụ cấp đi đường như người đi bộ (thí dụ: đoạn đường phải đi một ngày, nếu đi xe đạp riêng chỉ mất nửa ngày, cũng được phụ cấp đi đường một ngày);

— Được cấp phiếu mua phụ tùng xe đạp theo giá cung cấp như công nhân, viên chức của Nhà nước.

Trên đây, Liên Bộ quy định những điều cụ thể, cần thiết để thi hành thông tư của Thủ tướng Chính phủ. Đề nghị các Ủy ban hành chính khu, thành, tỉnh có kế hoạch cụ thể để thực hiện sát với hoàn cảnh của địa phương và báo cáo cho Liên Bộ biết.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 1962

K.T. Bộ trưởng Bộ Y tế

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

Thủ trưởng

B.S. VŨ VĂN CẦN

TRỊNH VĂN BÌNH

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thủ trưởng

LÊ TẮT ĐẮC

### CÁC BỘ

#### BỘ LAO ĐỘNG

**THÔNG TƯ số 13/LĐ-TT ngày 29-6-1962**  
quy định nguyên tắc cấp phát, sử dụng  
và giữ gìn trang bị phòng hộ.

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG

Kính gửi: — Các Bộ, các Tổng cục quản lý sản xuất và xây dựng;

— Ủy ban hành chính các khu, thành, tỉnh;

— Các Sở, Ty, Phòng Lao động.

Trong mấy năm qua, do yêu cầu bảo vệ sức khỏe công nhân và bảo đảm an toàn trong sản xuất, các Bộ, các ngành đã căn cứ vào thông tư số 18/LĐ/TT ngày 17/6/1958 và thông tư số 4/LĐ-TT ngày 13/2/1961 của Bộ Lao động, mà quy định cụ thể chế độ trang bị phòng hộ cho từng ngành. Các xí nghiệp, công trường, lâm trường, nông trường cũng đã có những cố gắng trong việc cấp phát, sử dụng và nghiên cứu cải tiến một số loại dụng cụ phòng hộ cho thích hợp. Nhờ vậy, trang bị phòng hộ đã có tác dụng trong việc bảo vệ sức khỏe và bảo đảm an toàn lao động cho công nhân, phục vụ sản xuất phát triển.

Tuy vậy, trước yêu cầu phát triển nhanh chóng của các ngành kinh tế quốc dân trong giai đoạn công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, chế độ trang bị phòng hộ hiện nay còn nhiều nhược điểm và khuyết điểm như:

1. Nhận thức về mục đích, ý nghĩa và tác dụng của chế độ trang bị phòng hộ trong cán bộ cũng như công nhân chưa được đầy đủ. Có nơi, do nhận thức không đúng, nên chỉ chú trọng cấp phát trang bị phòng hộ mà coi nhẹ việc cải tiến, bổ sung thiết bị an toàn và các biện pháp để cải thiện điều kiện làm việc, hoặc cho rằng cấp phát quần áo, giày mũ cho công nhân cũng là góp phần cải thiện sinh hoạt, trong khi mức lương nói chung còn thấp.

Việc tuyên truyền, giáo dục ý thức sử dụng và giữ gìn trang bị phòng hộ trong quần chúng còn kém, thiếu những biện pháp cụ thể và thích hợp cho từng ngành.

2. Những nguyên tắc cấp phát, sử dụng và giữ gìn trang bị phòng hộ chưa được quy định cụ thể chưa áp dụng thống nhất trong tất cả các ngành, các cơ sở.

3. Trách nhiệm của các bộ phận công tác có liên quan đến việc dự trữ kế hoạch, mua sắm, cấp phát, theo dõi việc sử dụng và giữ gìn dụng cụ phòng hộ chưa được quy định rõ ràng.

4. Chưa có một tổ chức chuyên nghiên cứu quy cách phẩm chất dụng cụ phòng hộ thích hợp với điều kiện nước ta. Việc quản lý sản xuất, phân phối dụng cụ phòng hộ cũng chưa chặt chẽ.

Để bổ khuyết những thiếu sót nói trên và thi hành chỉ thị số 32-TTg ngày 8/3/1962 của Thủ tướng Chính phủ, ngoài những biện pháp về mặt tổ chức nghiên cứu quy cách, mẫu mực, phẩm chất dụng cụ phòng hộ, cần phải tăng cường giáo dục, kiểm tra việc thực hiện những nguyên tắc cấp phát, sử dụng và giữ gìn trang bị phòng hộ trong công nhân, viên chức. Bộ Lao động ra thông tư này nhằm giải thích và hướng dẫn những nguyên tắc cấp phát, sử dụng và giữ gìn, đồng thời quy định trách nhiệm của các bộ phận công tác có liên quan đối với việc thi hành chế độ trang bị phòng hộ.

#### I. MỤC ĐÍCH CỦA CHẾ ĐỘ TRANG BỊ PHÒNG HỘ

Yêu cầu chủ yếu của việc bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ sức khỏe công nhân trong sản xuất là